TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn N, sinh năm 1972. Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày*: Bà H và ông N sống chung với nhau từ năm 1998. Việc sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do ông N thường hay uống rượu, mỗi khi uống rượu về là kiếm chuyện la mắng vợ con vô cớ và hay ghen tuông không có lý do. Bà H đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Hiện nay, bà H và ông N đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, vì vậy bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông N có 02 con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 30/4/1999 và Phan Thái N, sinh ngày 28/5/2003. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thái N và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; về con chung tên Phan Thị Thanh H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Phan Văn N trình bày: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M. Tuy nhiên ông không đồng ý về nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày. Ông N thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu say nên về gây chuyện với vợ con, lý do là bà H thường hay lên mạng nhắn tin, khi nghe điện thoại thấy ông thì tắt máy, từ đó ông nghi ngờ bà H quen người đàn ông khác. Nay với yêu cầu ly hôn của bà H thì ông N không đồng ý vì ông còn thương yêu vợ và con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông N có 02 con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 30/4/1999 và Phan Thái N, sinh ngày 28/5/2003. Ông N không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Phan Văn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, hiện bà H và ông N đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Theo biên bản xác minh ngày 07/3/2019 thấy rằng ông N thường hay uống rượu, nguyên nhân mẫu thuẫn thì địa phương không rõ. Do đó, nguyên đơn cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do ông N thường hay uống rượu về kiếm chuyện vợ con và ông N hay ghen tuông vô cớ là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung tên Phan Thị Thanh H, sinh ngày 30/4/1999 và Phan Thái N, sinh ngày 28/5/2003. Xét thấy, hiện nay chị H đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết; cháu N hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà H. Hiện cháu N đang được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên việc giao cháu N cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H không yêu cầu ông Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H đối với bị đơn ông Phan Văn N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Phan Văn N.

- Về con chung: Giao cho bà Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thái N, sinh ngày 28/5/2003. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H không yêu cầu ông Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Vũ Thị H và ông Phan Văn N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.00 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0012865 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn